

QUYẾT ĐỊNH
**Về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT, ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 01/2003/TTLT-BTNMT-BNV, ngày 15 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT, ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Chỉ thị số 02/2004/CT-BTNMT, ngày 02 tháng 6 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước dưới đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 666/TTr-TNMT-QLTN, ngày 19 tháng 01 năm 2006; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 4064/STP-VB, ngày 09 tháng 11 năm 2005;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Nay ban hành Quyết định này kèm theo Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và các biểu mẫu hướng dẫn liên quan.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường-xã, thị trấn, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố;
- Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố ;
- Các Đoàn thể thành phố ;
- Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân;
- Các cơ quan Báo, Đài;
- VPHĐ-UB : các PVP, các Tổ NCTH;
- Lưu (ĐTMT/H-Th) H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Đua

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN NƯỚC
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2006/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các hoạt động về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước (trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên), xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau :

1. Nước thô là nước khai thác trực tiếp từ nguồn nước chưa qua xử lý.
2. Nước thải là nước đã qua sử dụng và thải ra môi trường.

**CHƯƠNG II
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 4. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn thành phố theo các quy định pháp luật hiện hành;

2. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố trong việc lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, thông tin, tuyên truyền, cấp phép, kiểm tra, thanh tra hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn thành phố nhằm bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước, phục vụ đời sống sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của nhân dân, cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố;

3. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước của các tỉnh trong hệ thống lưu vực sông Đồng Nai, các cơ quan liên quan trong công tác lập, thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch, quản lý hoạt động tài nguyên nước; xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra;

4. Là cơ quan tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ, tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, xem xét cấp phép các trường hợp đề nghị cấp giấy phép hoạt động tài nguyên nước, đăng ký khai thác nước dưới đất theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố;

5. Xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước và những nhiệm vụ cụ thể được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận-huyện, phường-xã về hoạt động tài nguyên nước; kiểm tra và phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn thành phố;

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn thành phố;

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn quận, huyện theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Phối hợp chặt chẽ các cơ quan liên quan trong công tác lập quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước phục vụ đời sống sinh hoạt của nhân dân, cho sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương;

3. Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước;

4. Là cơ quan tiếp nhận, lưu trữ hồ sơ, tổ chức thẩm định, lấy ý kiến các cơ quan có liên quan, xem xét cấp phép các trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất, đăng ký khai thác nước dưới đất theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

5. Xây dựng kế hoạch, tiến hành kiểm tra, phối hợp kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý; Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước, Quy định này và các quy định khác có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý.

Điều 6. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định của pháp luật và của Ủy ban nhân dân thành phố;

2. Thực hiện sự chỉ đạo và hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các cơ quan hữu trách trong công tác quy hoạch, quản lý, thông tin, tuyên truyền về hoạt động tài nguyên nước; Xây dựng và thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước; phòng chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của nhà nước;

3. Tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố;

4. Tham gia công tác hòa giải, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tài nguyên nước; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước, Quy định này và các quy định khác có liên quan; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về hoạt động tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất cho Ủy ban nhân dân quận, huyện về tình hình quản lý hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn quản lý.

CHƯƠNG III

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 7. Nguyên tắc và căn cứ cấp phép

Nguyên tắc và căn cứ cấp phép hoạt động tài nguyên nước áp dụng theo Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và Điều 15 Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT, ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Các trường hợp hoạt động tài nguyên nước không phải xin phép

1. Các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất không phải xin phép nhưng phải đăng ký :

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 10 m³/ngày đêm phục vụ sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác;

b) Khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động nghiên cứu khoa học, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hải sản, thể thao, y tế, an dưỡng, mà không nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác;

c) Khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác, có lưu lượng khai thác không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực khai thác đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

2. Các công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển, xả nước thải vào nguồn nước không phải xin phép :

a) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 0,02 m³/giây (tương đương 72 m³/giờ) phục vụ sản xuất nông nghiệp;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình để phát điện không chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy dưới 50 kw;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 100 m³/ngày đêm phục vụ sinh hoạt, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác;

d) Khai thác, sử dụng nguồn nước biển trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 100 m³/ngày đêm phục vụ sản xuất muối và nuôi trồng hải sản;

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trong phạm vi diện tích đất đã được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của pháp luật;

e) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, hải sản, sản xuất muối, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học;

g) Xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình với lưu lượng không vượt quá 10 m³/ngày đêm.

Điều 9. Cấp phép hoạt động tài nguyên nước

1. Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét đăng ký, cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép các trường hợp sau :

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm để sản xuất các loại nước uống;

b) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng trên 20 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm dùng cho các mục đích khác;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 2 m³/giờ ; trừ trường hợp khai thác, sử dụng nước mặt từ hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh được ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp phép (nội dung cụ thể theo Quyết định số 55/2004/QĐ BNN, ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành quy định việc cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và các quy định hiện hành có liên quan);

d) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw;

đ) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm;

e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 5.000 m³/ngày đêm; trừ trường hợp xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn - Bắc Bình Chánh được ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp phép, (nội dung cụ thể theo Quyết định số 56/2004/QĐ BNN, ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành quy định về thẩm quyền, thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi);

g) Hành nghề khoan nước dưới đất có phạm vi hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

h) Tổ chức đăng ký các công trình khai thác nước dưới đất quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân các quận, huyện xem xét cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ, thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất các công trình có lưu lượng khai thác không vượt quá 20 m³/ngày đêm (trừ các công trình khai thác để sản xuất các loại nước uống), tổ chức đăng ký các công trình khai thác nước dưới đất quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức đăng ký, tiếp nhận, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 8 Quy định này.

Điều 10. Thời hạn, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước

Thời hạn, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực, thu hồi, trả lại, chấm dứt hiệu lực giấy phép hoạt động tài nguyên nước được thực hiện theo Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT, ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, Quy định về hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT, ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định khác có liên quan.

Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 9 Quy định này. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ, Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT, ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các mẫu hồ sơ liên quan thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT, ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 12. Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất

1. Điều kiện cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất thực hiện theo Điều 15 Quy định về cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT, ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thủ tục cấp phép :

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy định này. Hồ sơ đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất bộ gồm :

- a) Đơn đề nghị cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất;
- b) Bản sao quyết định thành lập tổ chức hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cấp có thẩm quyền;
- c) Bản báo cáo năng lực kỹ thuật tại thời điểm đề nghị cấp phép, đính kèm bản sao các văn bản, chứng chỉ có liên quan của người chịu trách nhiệm chỉ đạo kỹ thuật thiết kế, thi công công trình.

Các mẫu hồ sơ hướng dẫn thực hiện liên quan đính kèm theo Quy định này.

3. Trình tự thực hiện :

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn hai mươi (20) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra năng lực thực tế của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hành nghề, trình cấp có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

Điều 13. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

Tổ chức, cá nhân nộp hai (2) bộ hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Quy định này.

1. Hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép gồm :

- a) Đơn đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép;
- b) Giấy phép đã được cấp;
- c) Bản báo cáo năng lực kỹ thuật, đính kèm bản sao các văn bản, chứng chỉ có liên quan của người chỉ đạo kỹ thuật thiết kế, thi công công trình tại thời điểm đề nghị gia hạn hoặc điều chỉnh nội dung giấy phép.

Các mẫu hồ sơ hướng dẫn thực hiện liên quan đính kèm theo Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất :

- Trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép để hoàn thiện hồ sơ theo quy định;

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra năng lực thực tế của tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề, trình cấp có thẩm quyền quyết định cấp giấy phép. Trường hợp không đủ điều kiện cấp phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo bằng văn bản lý do không cấp phép.

CHƯƠNG IV **QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN** **HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động tài nguyên nước có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 149/2004/NĐ-CP, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ, Điều 17 Quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT, ngày 04 tháng 9 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định này và các quy định khác có liên quan.

Điều 15. Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước có nghĩa vụ lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước theo đúng quy định và ghi nhận lại lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày vào sổ vận hành công trình; Đối với công trình khai thác, sử dụng nước để phát điện phải có thêm biểu đồ phụ tải.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải có nghĩa vụ :

a) Lắp đặt thiết bị đo lưu lượng nước xả thải theo đúng quy định và ghi nhận lại lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày vào sổ vận hành công trình;

b) Kiểm tra chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải ba (3) tháng một (1) lần.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước khi gặp sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về chất lượng nguồn nước phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân quận, huyện nơi xảy sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Điều 16. Báo cáo hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước thực hiện công tác báo cáo đến cơ quan đã cấp phép sáu (6) tháng một (1) lần số liệu về lưu lượng nước thô đã khai thác hàng ngày.

2. Tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước thải vào nguồn nước thực hiện chế độ báo cáo đến cơ quan đã cấp phép ba (3) tháng một (1) lần gồm các nội dung sau :

a) Số liệu về lưu lượng nước đã xả thải vào nguồn nước hàng ngày.

b) Kết quả phân tích chất lượng, thành phần nước thải, chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải.

3. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất từ các công trình khai thác mới thay thế công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác thuộc trường hợp không phải đề nghị cấp phép mới theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 8 Quy định này có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp phép ban đầu trước khi tiến hành thi công công trình khai thác mới để thực hiện công tác điều chỉnh giấy phép.

Điều 17. Công tác trám lấp giếng

Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng, hành nghề khoan nước dưới đất có nghĩa vụ trám lấp các giếng khoan, giếng đào bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc không đạt yêu cầu sau khi kết thúc giai đoạn thăm dò, khai thác theo đúng quy định. Trước khi trám lấp giếng, tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép hoặc quản lý, vận hành công trình có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền nơi đã cấp giấy phép thăm dò, khai thác hoặc thụ lý việc đăng ký khai thác biết.

CHƯƠNG V

**CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC**

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, hàng năm và đột xuất, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, đăng ký, cấp phép hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn cho Ủy ban nhân dân thành phố. Nội dung báo cáo cần trình bày rõ tình hình quản lý tài nguyên nước trên địa bàn, những khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải quyết.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường làm đầu mối tiếp nhận các báo cáo tình hình quản lý, cấp phép hoạt động tài nguyên nước của các quận, huyện. Ủy ban nhân dân quận, huyện có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 25 tháng cuối của quý đó. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm nghiên cứu, tổng hợp các báo cáo và trình Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 10 của quý kế tiếp.

Điều 19. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Khen thưởng

1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước;

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tài nguyên nước được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trái phép, không có giấy phép của cấp có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở việc bảo vệ tài nguyên nước, cản trở hoạt động tài nguyên nước hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra tài nguyên nước hoặc các vi phạm khác theo quy định của pháp luật thì tùy thuộc mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại gây ra (nếu có).

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản thi hành

Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì vướng mắc, hoặc Chính phủ ban hành những văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến nội dung của Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Đua